

MẬT TẠNG BỘ I -No 856(Tr.174_ tr.176)

**ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT
THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH**

Lược Là : “ Thất Chi Niệm Tụng Tùy Hành Pháp”

HÁN dịch : Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG

Việt dịch : Vọng Chi - Huyền Thanh

Cúi lạy Vô Ngại Trí
Ý Mật giáo “Sinh Tử”
Y theo Tu Đa La (Sutra_Khế Kinh)
Nhiếp pháp Tùy Hành này
Hạnh Chân Ngôn, Bồ Tát
Vô Trụ Vô Đẳng Thệ
Ngữ mật, Thân cũng mật
Sau làm hạnh tương ứng

_ Tam muội gia chân ngôn là :

“Ná Mạc Tam Mãn Đa Mầu Đà Nam (1) Aùn A Tam Minh (2) ĐỂ-Ly Tam Minh (3) Tam Ma Duệ (4) Sa-Phộc Hạ ”

Namahī samanta buddhànāmī - Asame trisame samaye _ svàhà.

Khế này là cùng các Luân (các ngón tay)
Mật hợp dựng hai Không (2 ngón cái)
Năm nơi :Đỉnh, vai (Vai trái, vai phải), tim
Sau cùng thêm yết hầu

Tiếp, kết “ Pháp Giới Sinh”
Cờ biểu của Mật Tuệ
Tịnh nghiệp: Thân, Khẩu, Ý
Chuyển khắp cả thân mình

Pháp Giới Sinh Chân Ngôn là

Ná Mạc Tam Mãn Đa Mầu Đà Nam (1) Đạt Ma Đà ĐỒ Sa-Phộc Bà Phộc Cú Hàm (2)

Namahī samanta buddhànāmī - (Ramī)_ Dharmadhātu svàbhavaka uhamī

Tay Bát Nhã (tay phải) Tam Muội (Tay trái)
Đều nắm Kim Cương Quyền
Cùng nhau dựng phương Phong (Ngón trở)
Ngay thẳng hợp cùng nhau
Đấy gọi là Mật Ấn
Của “Pháp Giới Thanh Tĩnh”
Như Tự Tính Pháp Giới
Mà quán ngay thân mình
Không dơ như Hư không
Uy lực Ấn Chân Ngôn

_ Tiếp, kết Chuyển Pháp Luân

Kim Cương Tát Đỏa Ấn
Pháp Thủ thắng, gia trì
Khiến cho được kiên cố
Tay Chỉ (Tay trái) Quán (Tay phải) chung lưng
Luân : Địa (ngón út) Thủy(Ngón vô danh) Hỏa(Ngón giữa) Phong

(Ngón trở)

Trái phải cùng nắm giữ
Hai không (2 ngón cái) đều xoay chuyển
Hợp bên trong chưởng Tuệ (lòng tay phải)
Là “Tối Thắng Pháp Luân”

_ Kim Cương Tát Đỏa Chân Ngôn là :

“ Ná Mạc Tam Mãn Đa Phộc Nhật La Nẫm Phộc Nhật La Đát-Ma Cú Hàm”

Namahī samanta Vajraniāmī _ Vajra atmaka uhamī

Chính tụng Mật Ngôn này
Sẽ trụ nơi Đẳng Dẫn
Đế Quán tượng ngay thân
Tức là Cháp Kim Cương
Vô lượng chúng, đại Ma
Chư Hữu đều nhìn thấy
Như Kim Cương Tát Đỏa (Vajrasatva)
Đừng sinh tâm nghi hoặc

_ Tiếp, dùng Thánh Vô Động

Diệt chướng với trừ dơ
Mà hay Tĩnh mọi sự
Kết Hộ tùy tương ứng

_ Bất Động Tôn Chân Ngôn là

“ Ná Mạc Tam Mãn Đa Phộc Nhật La Nẫm Chiến Noa Ma Hạ Lô Sái Noa Tát-Pha Tra
Gia Hồng Đát-La Tra Hám Hàm ”

**Namahī samanta Vajraniāmī _ Canīdīa mahā rosīanīa sphatīya Hūmī Trātī
Hāmī Māmī**

Định (Tay trái) Không (ngón cái) đề Địa(Ngón út) Thủy (Ngón vô danh)
Phong (Ngón trở) Hỏa (Ngón giữa) thẳng ở tim
Tuệ Kiểm cũng như vậy
Rời bao (ra khỏi vỏ) hay thành nguyện

_ Tiếp, dùng Như Lai Câu

Thỉnh Tôn với Thánh Chúng
Tương ứng phương tiện Mật
Y Bản Thệ mà dạy

_ Như Lai Câu Chân Ngôn là

“ Ná Mạc Tam Mãn Đa Mẫu Đà Nẫm Aùc Tát Phộc Đát-La Bát-La Đễ Hạ Đế Đát Tha
Nghịệt Đẳng Cử Xả Mạo Địa Trát Ly-Gia Pha Ly Bồ La Ca Sa-Phộc Hạ ”

**Namahī samanta buddhānāmī _ Ahī sarvatra apratihate Tathāgata anōku’sa
Bodhicarya paripūraka _ svāhā**

Chỉ Quán cùng cài trong
Hợp chặt, dựng Trí phong (ngón trở của tay phải)
Hơi co ở phần đầu

Các Luân khác như vòng
Sức Bi Nguyện Thánh Giả
Tùy thỉnh đều giáng đến
Dâng hiến Tam Muội Gia
Minh Khế như trước nói
Đã trình Bản Thệ xong
Nên quyết định tương ứng

_ Tiếp nên tùy sức chia
Cúng dường tỏ tâm thành
Ưở Già, Hương, Thực, Đẳng
Cho đến chút hoa, nước
Hoặc chỉ vận tâm tưởng
Thù thắng khó thể lường
Nên dùng Ấn Phổ Thông
Quán Hạnh với Chân Ngôn
Có tỏ cùng không tỏ
Tất cả đều thành tựu

_ Phổ Thông Chân Ngôn là :

“ Ná Mạc Tam Mãn Đa Mầu Đà Nẫm Tát Phộc Tha Khiếm . Ôn Ná Nghiệt-Đế Tát-Pha La
Tứ Hàm . Nga Nga Nặng Kiếm Sa-Phộc Hạ ”

**Namahī samanta buddhānāmī _ Sarvathā khamī udgate sphara himamī
gaganakamī _ svàhà.**

Tay Định Tuệ cùng hợp
Hữu giao (Bên phải đè bên trái) ở lóng trên
Vận Tâm khắp vòng khắp
Sở niệm đều hiện tiền
Thực Thí, cúng dường xong
Nên thường trú trì tụng
Trước, mặc giáp Kim Cương
Tương ứng việc Kết Hộ

_ Kim Cương Giáp Trụ Chân Ngôn :

“ Ná Mạc Tam Mãn Đa Phộc Nhật-La Nẫm. Phộc Nhật-La Ca Phộc Tả Hồng

Namahī samanta Vajraniāmī _ Vajra kavaca Hūmī

Trước tiên, chấp tay rộng
Rút luân Phong (Ngón trở) giữ Hỏa (Ngón giữa)
Đại Không (Ngón cái) y gốc Hỏa (Ngón giữa)
Chạm khắp sau ở Tim

_ Tiếp, kết “Phương Ngưng Ấn “

Dùng Bất Động Tôn trước
Tả chuyển (Chuyển bên trái) thành Tịch Trừ
Hữu xoay (Xoay theo bên phải) khắp trên dưới
Chạm khắp cả thân mình
Kết Hộ thấy vững chắc
Chân Ngôn Mầu Đà La (Mudra_ Ấn)
Như trước đã phân biệt

Đã làm nghiêm bị xong
Nên là Khế Căn Bản
Lại gia ở năm nơi
Chuyển bảy hoặc lại ba
Buông Ấn trên đỉnh mở
Bán Già, chỉnh Thân Ý
Hoặc ngồi thể tương ứng
Tùy cách như Giáo Thuyết
Chính diện trụ trước thân
Nhìn một Tượng tròn sáng
Thanh Tĩnh không dấu điểm
Giống như vành trăng tròn
Trong có hình Bản Tôn
Điều sắc vượt ba cõi
Lựa là mặc nghiêm thân
Mão báu, tóc buông rũ
Tam Ma Địa lặng yên
Sáng rực hơn ánh điện
Giống như giữa gương trong
Sâu thăm hiện chân dung
Hiện hình ảnh : vui, giận
Cầm giữ Đẳng Dĩ Nguyệt
Thân Chính Thụ, tương ứng
Tâm sáng suốt không loạn
Vô Tướng : Thể Pháp Tĩnh
Nên nguyện cứu quần sinh
Chuyên trú mà trì niệm
Cho đến hết hạn số (túc số)
Khi mệt mỗi mới nghỉ
Lại kết Ấn Phổ Thông
Chân thành bày tỏ nguyện
Ấn trọng lễ Thế Tôn
Tả (bên trái) chuyển đao Vô Động
Giải nơi Kết Hộ trước
Rời trình khế Bản Tôn
Bung mở trên đỉnh đầu
Tâm đưa đến Thánh Thiên
Năm luân chống đất, lễ
Xong khởi theo việc thiện
Sau hội, như ban đầu
Một thời cùng hai, ba
Hoặc bốn đều như vậy
Ngoài ra, đi khắp Tháp
Tắm Tượng, chuyển Đại Thừa
Tô điểm Man Trà La
Rải hoa, khen Phật Đức
Hoặc lại không tạp niệm
Chuyên chú không Đẳng Dẫn

Dùng ba nghiệp tịnh này
Tất Địa mau hiện tiền
Lực Thánh, sự gia trì
Vì Hạnh Nguyên : tương ứng
Chư Hữu vui tu tập
Tùy Thầy mà thọ học
Trì Minh truyền Bản Giáo
Không vượt Tam Muội Gia (Samaya_ Bản Thệ)
Siêng năng không gián đoạn
Lìa chướng với say sưa
Hành theo nơi tu học
Tất Địa tùy sức thành
Ta y Kinh Đại Nhật
Lược nói hạnh Du Kỳ
Tu chứng, Phước thù thắng
Thấm khắp các Hữu Tình

13/04/1999